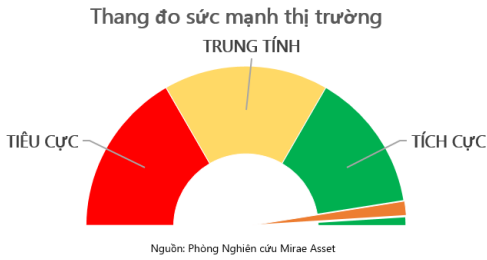


16 Tháng Tám 2021

# Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeasset.com.vn](mailto:cs@miraeasset.com.vn)



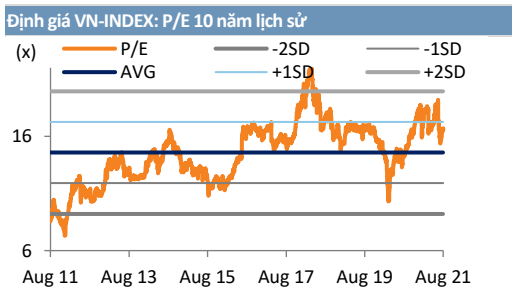
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,370.96	1.03	5.51	61.15
HNX	343.53	1.95	11.62	195.56
UPCOM	94.04	2.03	10.21	65.74
MSCI EM	1,280.86	-0.78	-4.42	17.17
NIKKEI	27,523.19	-1.62	-1.71	18.18
HANG SENG	26,154.68	-0.90	-6.61	3.86
KOSPI	3,171.29	-1.16	-3.22	31.73
FTSE	7,163.94	-0.76	2.22	17.63
S&P 500	4,468.00	0.16	3.25	32.47
NASDAQ	14,822.90	0.04	2.74	34.52

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.71	2.68	16.23
SET INDEX	23.02	1.61	7.10
JCI INDEX	NA	2.07	-7.80
PCOMP INDEX	21.72	1.57	7.53

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	0.88	-2	-17	-83
10 năm	2.08	-1	-8	-81

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D	1M	1Y (%)
US\$/VND	22,858	-0.16	0.67	1.34
US\$/KRW	1,169	-0.66	-2.02	1.23
US\$/JPY	109	0.16	0.59	-3.13
US\$/EUR	0.85	0.11	0.19	0.74
US\$/GBP	0.72	0.06	-0.66	-5.44
US\$/SGD	1.36	-0.09	0.07	0.86

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,005	782	591
HNX	176	116	83
UPCOM	96	52	37



## Nhận định thị trường

### Thanh khoản bùng nổ

Sau khi khép lại một tuần tăng điểm vừa qua, VN-Index mở cửa trong tâm lý hứng khởi của nhà đầu tư, khi ngay từ đầu phiên sáng chỉ số này đã mở cửa tăng 7 điểm. Sau đó xuyên suốt phiên giao dịch với xu hướng chủ đạo là đi lên đã giúp cho VN-Index có phiên tăng tốt mở đầu tuần. Đáng chú ý, thanh khoản của VN-Index tăng mạnh & tương đương với thời điểm đầu tháng 6, ở mức trên 25 ngàn tỷ. Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.370,9 điểm, tăng 13,9 điểm, tương ứng +1,0% so với phiên giao dịch ngày hôm trước, thanh khoản 3 sà lần lượt là HOSE: 27.504 tỷ đồng, HNX: 4.869 tỷ đồng, UPCOM: 2.001 tỷ đồng.

Phiên tăng điểm tốt với nhóm Chứng khoán dẫn đầu khi các mã này tăng mạnh từ 3% đến 8%: HCM, SSI, VND, SHS, VCI. Kế tiếp là nhóm Ngân hàng khi gần như tất cả các mã đều kết thúc trong sắc xanh. Trong khi đó, nhóm Bất động sản, Phân bón, Bán lẻ tương đối phân hóa khi các mã tăng giảm đan xen.

Khối ngoại bán ròng mạnh hôm nay với hơn 950 tỷ đồng, trong đó bị bán ròng nhiều nhất là VHM (136 tỷ) và VIC (102 tỷ).

Phiên giao dịch tăng điểm tốt khiến các điểm số kỹ thuật được cải thiện. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset tăng từ +4 lên +7 (KHẢ QUAN). Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 16,7x

**Trần Duy Lam**, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	7	KHẢ QUAN
VN30	7	KHẢ QUAN
VN30F1M	7	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	5	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	6	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	4	KHẢ QUAN
Kospi	-7	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-1	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	3	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	7	KHẢ QUAN
VN30	7	KHẢ QUAN
VN30F1M	7	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	5	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	6	KHẢ QUAN

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (16/08/2021)	1.370,6	Kháng cự 1 <b>1.380</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2 <b>1.420</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 <b>1.300</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 <b>1.270</b>

Sau khi chinh phục ngưỡng 1.340, VN-Index tiến về vùng kháng cự mới, dự kiến ở 1.380-1.420 với với thanh khoản đang gia tăng mạnh mẽ

**Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)**



## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (16/08/2021)	1.503	Kháng cự 1	<b>1.500</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TÍCH CỰC</b>	Kháng cự 2	<b>1.550</b>
VN30 – đóng cửa	1.500,7	Hỗ trợ 1	<b>1.450</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	+2,2	Hỗ trợ 2	<b>1.400</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	+7	<b>TÍCH CỰC</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	+7	<b>TÍCH CỰC</b>
VN30F1M (chart ngày)	+7	<b>TÍCH CỰC</b>

Cùng chiều với cơ sở, với phiên tăng điểm tốt, các chỉ số giao dịch của VN30F1M đạt trạng thái tích cực nhất.

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

**ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG**

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	18	6,345,925	7	KHẢ QUAN	5,342	13.3	1.1
ACB	35.7	11,297,375	2	TRUNG TÍNH	96,460	9.9	2.4
ASM	15.25	3,604,500	4	KHẢ QUAN	3,948	9.7	0.8
BCG	16.75	3,291,190	5	KHẢ QUAN	4,984	5.3	1.3
BID	43.3	2,060,685	4	KHẢ QUAN	174,153	17.5	2.1
BSI	27.5	1,532,930	7	KHẢ QUAN	3,343	12.3	2.0
BSR	19.2	14,860,760	-2	TRUNG TÍNH	59,530	#N/A N/A	1.9
BVH	54.2	822,190	2	TRUNG TÍNH	40,234	22.3	1.9
CTG	35.1	15,867,685	7	KHẢ QUAN	168,682	10.3	1.8
CTR	82.3	992,290	-4	TIÊU CỰC	7,648	27.4	7.2
DBC	59.2	1,885,710	7	KHẢ QUAN	6,822	5.5	1.5
DCM	23.45	6,216,265	2	TRUNG TÍNH	12,414	20.4	2.0
DDV	15.9	2,695,015	-2	TRUNG TÍNH	2,323	81.5	1.8
DGC	99.7	1,509,520	-4	TIÊU CỰC	17,057	17.0	3.8
DGW	163	377,755	4	KHẢ QUAN	7,205	17.7	5.2
DIG	33.9	10,801,425	6	KHẢ QUAN	13,895	18.5	2.9
DPG	39.7	1,178,735	4	KHẢ QUAN	2,501	8.1	2.1
DPM	36.55	5,197,480	3	TRUNG TÍNH	14,303	12.7	1.7
DRC	34.7	2,851,335	5	KHẢ QUAN	4,122	12.1	2.4
DXG	23.8	6,019,215	7	KHẢ QUAN	12,335	15.0	1.5
FIT	19	7,761,715	7	KHẢ QUAN	4,840	35.0	1.5
FLC	11.15	17,874,040	2	TRUNG TÍNH	7,916	4.4	0.8
FPT	94.6	4,025,655	-4	TIÊU CỰC	85,847	22.3	5.1
FRT	42	3,677,445	2	TRUNG TÍNH	3,317	49.8	2.6
GAS	94.2	894,080	0	TRUNG TÍNH	180,294	23.1	3.9
GEX	23.95	5,336,050	4	KHẢ QUAN	18,710	13.5	1.5
GIL	72.5	595,125	7	KHẢ QUAN	2,610	6.1	1.8
GMD	48.75	4,164,410	2	TRUNG TÍNH	14,692	35.9	2.4
GVR	37.2	5,462,785	7	KHẢ QUAN	148,800	31.0	3.1
HAH	57.7	2,067,830	-2	TRUNG TÍNH	2,735	13.0	2.4
HBC	15.75	4,556,085	7	KHẢ QUAN	3,636	24.8	1.0
HCM	55.7	5,910,325	7	KHẢ QUAN	16,991	19.2	3.5
HDB	35.75	2,901,215	5	KHẢ QUAN	56,977	10.8	2.2
HDC	66.3	1,073,710	6	KHẢ QUAN	5,512	18.7	4.4
HDG	59.4	3,084,020	4	KHẢ QUAN	9,720	13.7	2.8
HHV	20.9	3,048,155	7	KHẢ QUAN	5,588	35.8	0.9
HNG	7.41	9,290,875	-2	TRUNG TÍNH	8,214	#N/A N/A	1.0
HPG	49.45	25,162,880	4	KHẢ QUAN	221,186	8.8	3.0
HSG	38.1	12,122,060	0	TRUNG TÍNH	18,634	4.9	1.9
IDC	38.5	2,209,430	7	KHẢ QUAN	11,550	22.7	3.0
IJC	29	7,054,980	7	KHẢ QUAN	6,296	8.3	2.0
ITA	6.84	6,886,420	7	KHẢ QUAN	6,418	32.5	0.6
KBC	37.15	9,965,225	7	KHẢ QUAN	17,452	20.7	1.7
KDC	61	2,166,585	-4	TIÊU CỰC	13,954	31.1	2.4
KDH	41.7	5,383,425	2	TRUNG TÍNH	25,983	21.2	3.0
KSB	30.3	1,969,405	5	KHẢ QUAN	2,221	8.9	1.3
LCG	14.9	3,598,615	5	KHẢ QUAN	1,717	4.7	1.0
LPB	25.2	8,601,615	2	TRUNG TÍNH	30,330	11.3	2.0
MBB	31	14,827,105	7	KHẢ QUAN	117,128	11.2	2.2
MBS	35.6	3,332,800	7	KHẢ QUAN	9,527	19.0	3.1
MSN	133.5	1,392,410	-4	TIÊU CỰC	157,601	74.7	7.4
MWG	170.1	1,090,620	0	TRUNG TÍNH	80,844	17.7	4.4

NAF	33.95	1,565,465	5	KHẢ QUAN	1,615	27.7	2.5
NDN	23.1	1,833,675	4	KHẢ QUAN	1,655	4.6	1.5
NKG	39.5	6,927,440	4	KHẢ QUAN	7,189	4.8	1.5
NLG	43.5	4,042,420	-4	TIÊU CỰC	12,409	11.1	1.9
NTL	34.85	2,284,025	6	KHẢ QUAN	2,125	7.0	1.9
NVB	29.9	3,555,035	7	KHẢ QUAN	12,163	145.8	2.8
NVL	103.8	2,707,125	-4	TIÊU CỰC	152,960	28.9	4.5
PAN	32.3	2,139,130	7	KHẢ QUAN	6,747	30.4	1.8
PC1	32.05	1,480,360	7	KHẢ QUAN	6,128	13.3	1.5
PDR	91.7	3,037,030	-2	TRUNG TÍNH	44,637	31.6	8.0
PET	26.4	2,910,040	6	KHẢ QUAN	2,206	13.7	1.5
PLX	52.1	1,584,905	0	TRUNG TÍNH	64,803	16.9	2.7
PNJ	94.5	537,985	2	TRUNG TÍNH	21,486	16.2	3.8
POW	11.45	8,096,845	4	KHẢ QUAN	26,814	10.5	0.9
PTB	102	451,865	0	TRUNG TÍNH	4,957	11.4	2.4
PVD	19.4	6,081,645	4	KHẢ QUAN	8,170	706.1	0.6
PVS	26.1	10,987,355	0	TRUNG TÍNH	12,475	22.5	1.0
PVT	22.65	4,302,480	7	KHẢ QUAN	7,331	9.7	1.6
ROS	5.29	10,404,340	2	TRUNG TÍNH	3,003	16.3	0.5
SBS	15.2	3,657,250	7	KHẢ QUAN	1,925	1,675.9	9.3
SBT	21.3	3,274,920	5	KHẢ QUAN	13,145	19.9	1.7
SCR	11.45	9,783,590	6	KHẢ QUAN	4,195	14.3	0.9
SHB	29.3	14,985,770	4	KHẢ QUAN	56,419	15.0	2.1
SHS	53.4	6,488,350	7	KHẢ QUAN	11,068	10.4	2.5
SMC	47.55	1,221,830	-2	TRUNG TÍNH	2,897	3.0	1.3
SSI	62.1	14,301,600	7	KHẢ QUAN	40,670	22.0	3.6
STB	30.3	26,922,556	-2	TRUNG TÍNH	57,122	15.8	1.8
SZC	47.2	1,692,655	6	KHẢ QUAN	4,720	18.9	3.5
TCB	54	16,535,685	7	KHẢ QUAN	189,265	11.7	2.3
TCH	19.2	6,370,980	0	TRUNG TÍNH	7,664	8.8	1.3
TNG	28	2,673,960	7	KHẢ QUAN	2,227	12.3	1.7
TPB	37.1	6,182,575	5	KHẢ QUAN	39,759	8.8	2.0
VCB	100.6	1,485,975	7	KHẢ QUAN	373,113	18.2	3.6
VCI	60.9	5,636,910	7	KHẢ QUAN	20,280	13.9	3.8
VCS	122.8	417,440	-4	TIÊU CỰC	19,648	12.5	4.6
VGT	20.9	3,695,085	7	KHẢ QUAN	10,450	36.7	1.7
VHC	45.9	1,672,265	7	KHẢ QUAN	8,351	11.4	1.5
VHM	116	6,326,875	2	TRUNG TÍNH	388,544	11.7	4.0
VIB	41.8	1,540,020	4	KHẢ QUAN	64,921	11.1	3.1
VIC	110.6	2,530,870	0	TRUNG TÍNH	374,097	58.2	4.2
VIX	24.05	3,180,890	5	KHẢ QUAN	3,072	4.3	1.4
VJC	117.3	523,030	2	TRUNG TÍNH	63,531	404.3	3.7
VND	53.1	9,961,245	7	KHẢ QUAN	22,781	10.6	2.4
VNM	89.5	3,286,440	4	KHẢ QUAN	187,051	19.6	5.9
VOS	14.05	3,287,020	5	KHẢ QUAN	1,967	12.9	4.0
VPB	65.6	10,091,510	7	KHẢ QUAN	161,031	13.0	2.7
VPG	50.8	822,590	5	KHẢ QUAN	2,190	6.3	2.8
VRE	28.5	5,125,165	6	KHẢ QUAN	64,761	23.9	2.1

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Sản lượng công nghiệp của Trung Quốc giảm tốc

Sản lượng công nghiệp của Trung Quốc tháng 7 tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2020, thấp hơn nhiều so với mức tăng 8,3% của tháng 6 và dự đoán 7,8% theo khảo sát của Reuters. Theo số liệu chính thức được công bố ngày 16/8, sản lượng công nghiệp của Trung Quốc tăng thấp hơn nhiều so với dự đoán trong tháng 7 trước những dấu hiệu cho thấy nền kinh tế lớn thứ hai thế giới đang chịu áp lực ngày càng gia tăng. Tháng 7, sản lượng công nghiệp của Trung Quốc tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2020, thấp hơn nhiều so với mức tăng 8,3% trong tháng 6 và mức dự đoán 7,8% mà giới chuyên gia đưa ra trong cuộc khảo sát của hãng tin Reuters. Doanh số bán lẻ của Trung Quốc tăng 8,5% trong tháng 7 so với cùng kỳ năm ngoái, thấp hơn dự đoán 11,5%. So với mức tăng 12,1% trong tháng 6, đà tăng trưởng của tháng 7 giảm tốc đáng kể. Đầu tư tài sản cố định tăng 10,3% trong giai đoạn tháng 1-7 so với cùng kỳ năm ngoái, vẫn thấp hơn mức tăng dự đoán 11,3%. Trước đó, trong 6 tháng đầu năm nay, đầu tư tài sản cố định của Trung Quốc tăng 12,6%.

### 90 CEO Mỹ kêu gọi Biden tăng viện trợ vaccine cho Việt Nam

Theo thông tin từ Hiệp hội Dệt may Việt Nam, trong thư gửi Tổng thống Joe Biden, CEO các nhãn hàng hàng đầu của Mỹ như Adidas, Coach, Gap, Hanesbrands, Nike, VF, Under Armour... nhấn mạnh Việt Nam là một đối tác kinh tế và chuỗi cung ứng quan trọng của Mỹ. Tuy nhiên, nhà cung cấp hàng may mặc, giày dép lớn thứ hai cho thị trường Mỹ đang trải qua một đợt bùng phát dịch nghiêm trọng. Do tính liên thông trong chuỗi giá trị, ngành sản xuất của Việt Nam trong vai trò cung ứng với các ngành sản xuất sử dụng 3 triệu lao động tại Mỹ. Ngành này phụ thuộc trực tiếp và rất lớn vào "sức khỏe" của công nghiệp Việt Nam. Vì thế, nếu khôi phục nhanh chóng các ngành sản xuất công nghiệp trọng yếu của Việt Nam, thông qua chương trình cung cấp vaccine, sẽ làm giảm thiểu các ảnh hưởng đang tác động trực tiếp đến nguy cơ phá vỡ chuỗi cung ứng ở những lĩnh vực, ngành hàng liên quan đến thị trường và doanh nghiệp Mỹ. Cũng theo Vitas, ngày 10/8, đại diện Vitas và Hiệp hội Da giày túi xách Việt Nam (Lefaso) đã có cuộc họp cùng các CEO nhãn hàng Mỹ, bàn về cách thức vận động vaccine và các giải pháp phục hồi từng bước cho sản xuất của các nhà máy. Vitas hy vọng trong cuộc họp cấp cao giữa Phó Tổng thống Mỹ Kamala Harris và lãnh đạo Chính phủ Việt Nam vào cuối tháng 8 sẽ thảo luận chi tiết giải pháp bảo toàn "sức khỏe" chuỗi cung ứng Việt Nam và Mỹ. Trên cơ sở này, các hành động bảo toàn chuỗi cung ứng giữa 2 nước sẽ được thực thi ngay trong tháng 9.

### VIC: đăng ký bán hơn 100 triệu cổ phiếu VHM

Vingroup (HoSE: VIC) thông báo đăng ký bán 100,48 triệu cổ phiếu Vinhomes (HoSE: VHM), tương đương 3% vốn điều lệ. Thời gian giao dịch từ 19/8 đến 17/9. Mục đích giao dịch là để tăng nguồn vốn hoạt động và đầu tư vào các công ty con. Phương thức giao dịch có thể là khớp lệnh hoặc thỏa thuận.

### CRC: chốt quyền chào bán cổ phiếu giá 10.000 đồng để tăng vốn gấp đôi

HDQT Create Capital Việt Nam (HOSE: CRC) vừa thông qua phương án chào bán 15 triệu cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được mua 1 cổ phiếu mới). Vốn điều lệ dự kiến gấp đôi lên 300 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng là 28/9. Thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu từ ngày 5-25/10, Quyền mua được chuyển nhượng một lần, thời gian chuyển nhượng quyền cổ phiếu từ 5-19/10. Với giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu, nguồn vốn huy động dự kiến 150 tỷ đồng. Trên thị trường, đóng cửa phiên 13/8, cổ phiếu CRC tăng trần lên mức 11.200 đồng/cp. Doanh nghiệp dự kiến dùng 136 tỷ đồng huy động để góp vốn CTCP Công nghệ CRC (CRC Tech) và bổ sung vốn lưu động 14 tỷ đồng.

### MWG: giảm cổ tức năm 2020 bằng tiền xuống 5%

Nghị quyết HĐQT Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) vừa thông qua thay đổi tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền thành 5%, tương đương 1 cổ phiếu nhận được 500 đồng. Với hơn 475 triệu cổ phiếu đang lưu hành, đơn vị dự kiến trả hơn 237 tỷ đồng để thanh toán cổ tức cho cổ đông. Công ty cho biết việc này nhằm ưu tiên đảm bảo dòng tiền kinh doanh trong bối cảnh rủi ro dịch Covid-19 tiếp tục kéo dài và diễn biến phức tạp. Tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt mới này giảm so với mức 10% được thông qua hồi đầu tháng 7. Trước đó, tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên 2021, cổ đông doanh nghiệp đã thông qua phương án chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ tối đa 15% mệnh giá, tỷ lệ cụ thể do HĐQT quyết định và cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 50%. Công ty vẫn giữ nguyên phương án cổ tức bằng cổ phiếu. Cụ thể, doanh nghiệp sẽ phát hành gần 237,7 triệu cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương tỷ lệ phân phối 50%. Nguồn vốn thực hiện từ lợi nhuận giữ lại theo BCTC kiểm toán năm 2020. Vốn điều lệ doanh nghiệp dự kiến tăng lên

7.131 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng để trả cổ tức năm 2020 là ngày 31/8, tương ứng ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 30/8. Ngày thanh toán cổ tức bằng tiền dự kiến là 13/9.

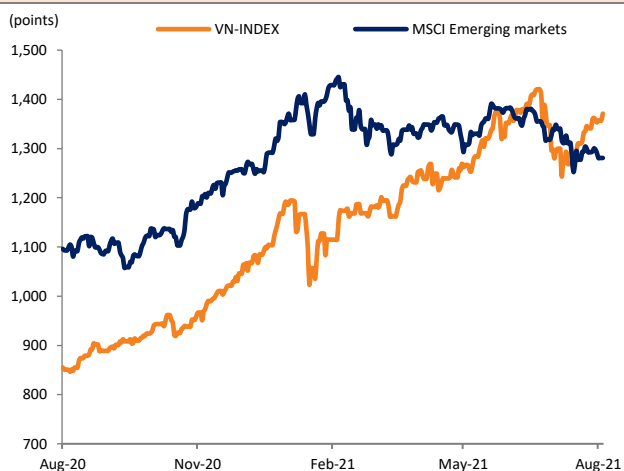
**SSI: chốt quyền thưởng và chào bán cho cổ đông gần 329 triệu cổ phiếu**

Chứng khoán SSI (HoSE: SSI) thông báo sẽ thực hiện chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 vào ngày 9/9. Theo đó, phương án thưởng cổ phiếu thực hiện theo tỷ lệ 6:2 (cổ đông sở hữu 6 cổ phiếu được nhận 2 cổ phiếu mới). Tổng khối lượng dự kiến phát hành tối đa là hơn 219 triệu cổ phiếu, thời gian thực hiện trong năm 2021. Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu được thực hiện theo tỷ lệ 6:1 (cổ đông sở hữu 6 cổ phiếu được quyền mua 1 cổ phiếu mới). Khối lượng phát hành tối đa là gần 109,6 triệu cổ phiếu, thời gian thực hiện trong năm 2021. Giá chào bán bằng mệnh giá 10.000 đồng/cp, tương đương tổng giá trị vốn huy động gần 1.096 tỷ đồng. Toàn bộ số tiền thu được sẽ bổ sung vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực bảo lãnh phát hành, năng lực đầu tư và năng lực cho vay giao dịch ký quỹ. Thời gian nhận đăng ký mua từ 17/9 đến 7/10. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu từ 17/9 đến 7/10. Như vậy, công ty dự kiến phát hành tối đa gần 329 triệu cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến được nâng từ hơn 6.573 tỷ đồng lên thành gần 9.860 tỷ đồng.

**LIX: lên kế hoạch lợi nhuận quý III giảm phân nửa**

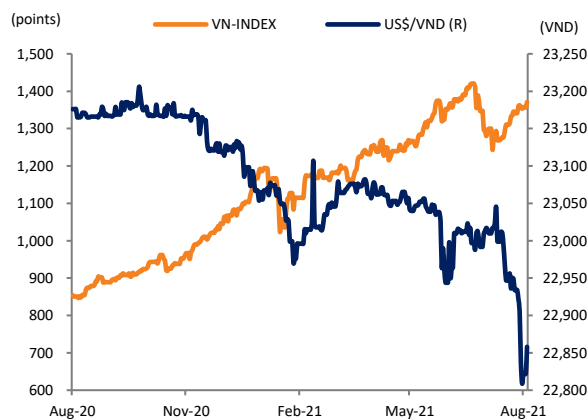
HĐQT Bột giặt Lix (Lixco, HoSE: LIX) đề ra kế hoạch kinh doanh quý III gồm doanh thu 548 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 30 tỷ đồng; lần lượt giảm 16,8% và 50% so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, mục tiêu doanh thu và lợi nhuận quý III cũng lần lượt giảm 17,7% và 40% so với quý II. Đây dự kiến là quý thứ 3 liên tiếp doanh nghiệp giảm lợi nhuận. Như vậy, ban lãnh đạo Lixco dự kiến thực hiện được 72% kế hoạch doanh thu và 60% kế hoạch lợi nhuận sau 9 tháng.

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



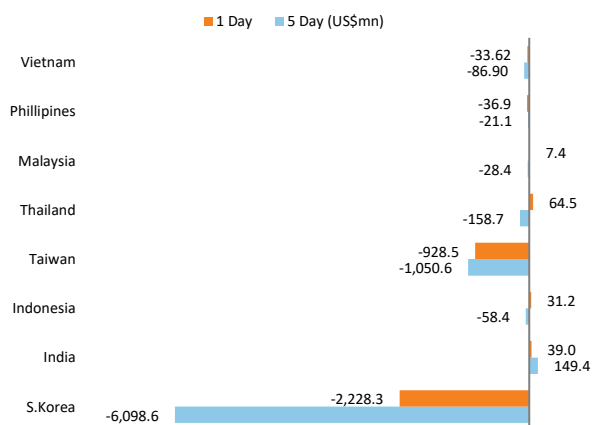
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



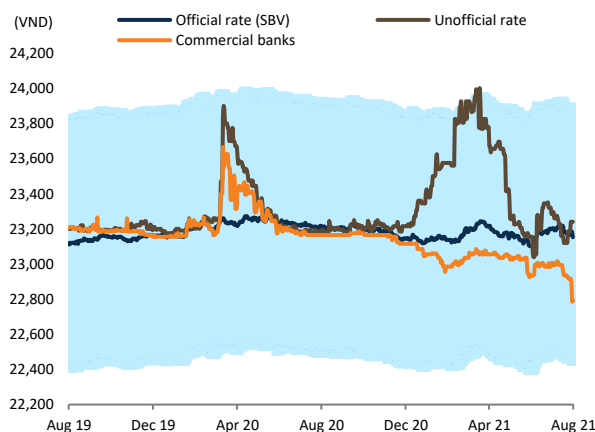
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



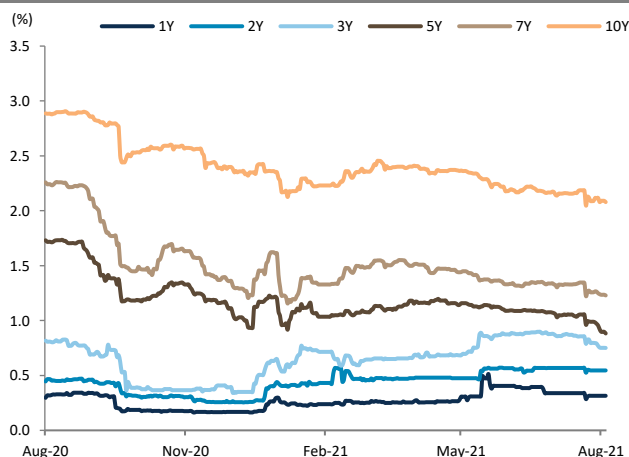
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



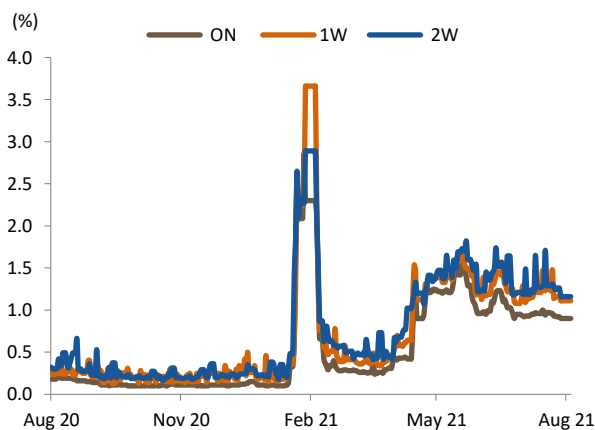
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset



**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,500.77</b>	<b>3,867,822</b>		<b>1.1</b>	<b>0.2</b>	<b>4.4</b>	<b>89.5</b>	<b>14.3</b>	<b>12.5</b>	<b>2.7</b>	<b>2.3</b>	<b>36.4</b>	<b>14.3</b>	<b>22.8</b>	<b>20.4</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	35,700	96,460	30.0	1.0	-2.2	6.3	129.3	10.0	8.4	2.2	1.7	27.4	19.3	24.2	22.6
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	43,300	174,153	16.7	1.8	0.3	1.9	11.0	18.4	13.5	1.9	1.7	62.2	36.8	12.0	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	54,200	40,234	27.0	-0.4	0.6	6.3	18.2	23.5	20.8	1.9	1.8	11.2	12.8	8.4	9.0
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	35,100	168,682	24.4	2.3	1.6	1.3	92.8	9.2	7.7	2.1	1.7	34.5	19.7	19.6	20.0
CTCP FPT	FPT VN	94,600	85,847	49.0	0.6	-3.0	9.0	127.6	20.8	17.2	4.7	4.1	27.2	20.3	25.0	25.9
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	94,200	180,294	2.7	1.3	1.3	4.7	30.3	18.8	16.0	3.4	3.1	24.5	17.0	19.2	20.4
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	37,200	148,800	0.6	6.9	5.7	18.7	241.3	32.0	29.2	2.8	NA	128.8	9.5	9.3	10.0
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	HDB VN	35,750	56,977	18.3	2.9	0.7	6.9	115.3	10.4	8.6	1.9	1.6	31.1	20.2	21.2	20.1
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	49,450	221,186	26.6	1.6	-0.5	5.8	177.0	7.7	7.6	2.4	1.8	126.2	0.2	38.6	28.4
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	41,700	25,983	30.7	-0.2	-1.5	12.9	96.2	21.6	15.7	2.8	2.3	3.2	37.2	14.0	16.7
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	31,000	117,128	22.1	4.7	3.7	6.5	183.2	10.5	9.0	1.8	1.6	34.8	16.8	21.7	21.0
Tập đoàn Masan	MSN VN	133,500	157,601	33.5	0.0	-5.3	10.8	150.0	50.8	30.2	7.9	6.1	19,149.4	68.4	13.6	19.0
CTCP Thế giới di động	MWG VN	170,100	80,844	49.0	-0.5	-2.1	1.2	104.7	16.2	13.3	4.0	3.4	21.4	21.4	26.1	26.4
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	103,800	152,960	9.6	0.3	-2.1	-0.8	125.7	35.7	28.3	4.4	4.3	-539.1	26.0	16.2	13.0
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	91,700	44,637	3.8	0.1	-2.0	1.7	362.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	52,100	64,803	17.7	-1.5	-1.5	2.0	11.8	18.8	15.9	2.7	2.6	334.9	18.4	16.2	16.6
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	94,500	21,486	48.9	0.0	-2.1	-1.6	67.3	16.9	13.5	3.5	3.0	29.6	25.1	23.4	24.0
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	11,450	26,814	2.9	1.3	2.7	8.0	14.6	12.9	11.5	0.9	0.9	-10.8	12.2	7.2	7.7
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	151,600	97,218	62.6	-0.1	-2.3	-4.1	-18.1	19.4	16.8	4.2	3.7	9.4	15.3	24.2	24.4
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	62,100	40,670	50.2	5.3	4.7	17.6	325.3	31.0	25.2	4.6	4.2	2.3	23.0	14.1	14.5
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	30,300	57,122	15.9	2.0	-1.3	6.5	183.2	23.3	15.6	1.8	1.6	8.4	48.9	8.9	11.8
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	54,000	189,265	22.5	3.4	2.9	4.7	172.7	11.5	9.7	2.1	1.7	33.8	18.2	20.1	19.5
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	37,100	39,759	30.0	1.9	3.3	9.4	115.3	8.6	7.0	1.7	1.4	26.8	22.1	22.2	21.5
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	100,600	373,113	23.5	1.0	2.3	-1.9	22.7	16.6	14.0	3.2	2.6	35.6	18.8	21.4	21.4
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	116,000	388,544	23.8	-3.3	-1.2	6.4	45.5	12.5	11.1	3.3	2.6	108.6	13.4	30.3	27.7
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	110,600	374,097	15.0	-0.3	-2.2	4.5	26.5	60.0	59.2	4.2	3.8	-134.2	1.4	9.3	8.2
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	117,300	63,531	18.3	-0.6	-1.8	1.6	16.6	156.4	24.0	3.4	2.8	-160.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	89,500	187,051	55.1	-0.4	2.1	4.2	-8.0	18.5	17.2	5.7	5.5	1.4	7.5	32.6	33.7
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	65,600	161,031	15.4	3.1	7.5	1.7	206.5	9.9	11.0	2.0	1.7	56.3	-10.2	25.1	17.8
CTCP Vincom Retail	VRE VN	28,500	64,761	30.1	1.8	-0.3	2.9	6.1	26.9	19.8	2.1	1.9	1.1	35.6	7.5	10.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>13.91</b>	<b>5,115,455</b>	<b>1.0</b>	<b>0.8</b>	<b>5.5</b>	<b>61.1</b>	<b>15.9</b>	<b>13.5</b>	<b>2.7</b>	<b>2.3</b>	<b>35.6</b>	<b>18.0</b>	<b>20.0</b>	<b>19.0</b>
Ô tô và phụ tùng	0.02	9,189	0.7	1.4	14.6	76.3	7.5	6.7	1.4	1.3	30.7	11.4	12.6	12.9
Ngân hàng	9.55	1,681,255	2.2	1.7	2.4	81.9	13.4	10.9	2.2	1.9	34.8	21.0	19.4	18.9
Xây dựng cơ bản	0.43	192,069	0.9	3.0	15.2	86.4	7.9	6.4	0.6	0.4	13.5	22.4	7.7	8.1
Dịch vụ thương mại	0.03	5,494	2.4	8.7	21.2	46.1	8.6	6.7	NA	NA	10.8	39.0	9.8	12.9
May mặc và trang sức	0.05	45,661	0.5	0.5	6.9	139.7	12.8	10.5	2.5	2.2	38.8	22.2	17.3	17.9
Dịch vụ tiêu dùng	-0.01	8,598	-0.4	0.7	8.1	44.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	1.61	107,633	5.9	9.1	20.2	306.4	19.1	15.1	3.1	2.8	19.1	28.8	12.7	13.7
Năng lượng	-0.24	83,593	-1.0	-1.2	4.1	31.3	20.4	15.0	2.3	2.2	NA	34.3	14.0	14.4
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.05	539,714	0.0	-1.1	5.1	44.6	26.0	18.8	5.1	4.4	55.6	29.4	20.3	22.2
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.01	1,041	3.7	11.9	38.9	46.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,882	0.2	-0.2	3.0	6.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.00	49,288	0.0	0.2	7.6	26.2	20.4	18.2	1.7	1.6	14.8	11.5	7.8	8.3
Nguyên vật liệu	4.42	524,029	3.3	3.6	13.7	189.6	69.6	14.0	2.1	1.0	96.1	-1.5	24.0	18.9
Giải trí và truyền thông	0.00	1,356	0.6	-1.4	1.4	-27.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.02	35,595	1.7	4.1	7.9	34.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-2.80	1,230,896	0.3	0.0	1.8	24.1	8.7	7.5	1.4	1.0	6.0	15.1	8.5	9.2
Bán lẻ	-0.11	90,242	-0.8	0.4	5.4	67.8	55.0	51.3	3.1	2.7	13.8	18.4	15.7	14.4
Phần mềm và dịch vụ	-0.04	91,328	-0.5	-2.5	2.2	98.9	15.7	12.8	3.7	3.1	34.8	21.5	23.7	24.1
Thiết bị và phần cứng	0.04	7,205	-0.2	-1.1	10.1	124.7	19.5	16.2	4.4	3.8	28.2	21.5	23.5	24.3
Dịch vụ viễn thông	0.01	1,439	2.1	-0.6	25.2	283.5	16.8	13.8	4.7	3.6	56.0	22.0	30.8	24.8
Vận tải	-0.08	180,025	3.2	3.5	-15.1	239.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.96	266,084	-0.1	-0.8	9.8	53.8	65.0	12.6	21.5	1.6	NA	NA	-53.8	20.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

### Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GVR VN	37,200	6.9	10,693,600	2.6
TCB VN	54,000	3.4	30,299,500	1.7
MBB VN	31,000	4.7	31,956,200	1.4
VPB VN	65,600	3.1	15,639,700	1.3
CTG VN	35,100	2.3	21,662,500	1.0
VCB VN	100,600	1.0	1,992,400	1.0
HPG VN	49,450	1.6	22,222,700	1.0
BID VN	43,300	1.8	3,286,300	0.8
GAS VN	94,200	1.3	1,110,200	0.6
SSI VN	62,100	5.3	16,930,200	0.5

Nguồn: Bloomberg

### Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	116,000	-3.3	18,686,700	-3.6
VIC VN	110,600	-0.3	3,085,800	-0.3
PLX VN	52,100	-1.5	1,051,300	-0.3
VNM VN	89,500	-0.4	3,270,800	-0.2
VCG VN	43,550	-2.8	505,800	-0.2
MWG VN	170,100	-0.5	1,029,800	-0.1
VJC VN	117,300	-0.6	479,300	-0.1
FPT VN	94,600	-0.4	1,906,800	-0.1
PME VN	81,000	-4.1	1,600	-0.1
VCF VN	240,000	-3.6	100	-0.1

### Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.